CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ

Báo cáo Tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/ 12/ 2009
đã được kiểm toán

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-3
Báo cáo Kiểm toán	4
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	5-20
Bảng cân đối kế toán	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9-20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết Bị (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết Bị được thành lập theo Quyết định số 2357/QĐ/BTM ngày 14 tháng 09 năm 2005 của Bộ Trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển đổi "Công ty Thiết Bị thành Công ty Cổ phần Thiết Bị".

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103011186 Đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 03 năm 2006 và Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 29 tháng 6 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh và đại lý bán các loại máy, thiết bị lẻ, thiết bị toàn bộ phục vụ xây dựng, thi công cơ giới, sản xuất công nghiệp và nông nghiệp, phương tiện vận tải (ô tô, xe máy), phụ tùng ô tô các loại, dây chuyền sản xuất và phụ tùng vật tư, nguyên vật liệu cho sản xuất, dịch vụ vận chuyển;
- Kinh doanh hàng: công nghiệp, điện, điện tử, tiêu dùng, nông sản, hải sản, phôi thép, thép thông dụng, trang thiết bị, vật tư cho ngành: điện, điện lạnh, điện tử;
- Kinh doanh vật tư thiết bị văn phòng, vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), rượu bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar);
- Tổ chức sản xuất và gia công, lắp ráp, bảo dưỡng sửa chữa các loại máy, thiết bị, phương tiện vận tải;
- Sản xuất, gia công và kinh doanh hàng da giày;
- Kinh doanh dịch vụ: nhà hàng ăn uống, khách sạn, tư vấn, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho tàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);
- Đại lý xăng dầu;
- Đại lý dịch vụ viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản bao gồm: môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty tại Km 9- Đường Nguyễn Trãi- Thanh Xuân- Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Thanh Tùng	Chủ tịch	
Ông	Phạm Mạnh Kiếm	Thành viên	
Bà	Lê Thị Nam Hà	Thành viên	
Bà	Nguyễn Thị Hồng Trang	Thành viên	
Bà	Vũ Tường Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2009
Bà	Trần Minh Ngọc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2009

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Mạnh Kiếm	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Lê Thị Nam Hà	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà	Hoàng Thị Liên Hồng	Trưởng Ban	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2009
Bà	Trần Lê Trang	Thành viên	
Bà	Chu Thạch Bích	Thành viên	
Bà	Phạm Thị Thìn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2009

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2009 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010
TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Tùng

Số : …../2010/BC.KTTC-AASC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty Cổ phần Thiết bị

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị được lập ngày 25 tháng 02 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC)
Tổng Giám đốc

Ngô Đức Đoàn
Chứng chỉ KTV số: Đ0052/KTV

Kiểm toán viên

Hoàng Anh Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0940/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**13.143.657.558**	**11.411.259.201**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**2.069.609.132**	**3.262.807.556**
111	1. Tiền		1.369.609.132	2.360.941.556
112	2. Các khoản tương đương tiền		700.000.000	901.866.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	4	**36.000.000**	**56.810.000**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		44.000.000	64.810.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(8.000.000)	(8.000.000)
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**9.904.361.962**	**7.073.915.291**
131	1. Phải thu khách hàng		8.904.075.891	5.572.379.293
132	2. Trả trước cho người bán		-	242.273.550
135	3. Các khoản phải thu khác	5	1.162.415.746	1.259.262.448
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(162.129.675)	-
140	**IV. Hàng tồn kho**	**6**	**482.856.594**	**816.578.795**
141	1. Hàng tồn kho		482.856.594	972.492.776
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(155.913.981)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**650.829.870**	**201.147.559**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		101.401.772	80.219.723
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		549.428.098	120.927.836
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**33.526.448.565**	**34.549.926.240**
220	**II. Tài sản cố định**		**32.242.050.762**	**33.778.518.868**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	31.273.614.990	32.824.800.096
222	*- Nguyên giá*		*48.618.656.845*	*47.914.942.554*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế (*)*		*(17.345.041.855)*	*(15.090.142.458)*
227	3. Tài sản cố định vô hình	8	-	-
228	*- Nguyên giá*		*15.000.000*	*15.000.000*
229	*- Giá trị hao mòn lũy kế (*)*		*(15.000.000)*	*(15.000.000)*
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	968.435.772	953.718.772
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**10**	**-**	**596.746.069**
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	596.746.069
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**1.284.397.803**	**174.661.303**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.284.397.803	174.661.303
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**46.670.106.123**	**45.961.185.441**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**12.351.717.208**	**12.072.705.916**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**12.326.095.586**	**8.671.308.823**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	2.714.725.729	4.974.997.405
312	2. Phải trả người bán		3.761.004.154	52.776.581
313	3. Người mua trả tiền trước		3.706.615.316	2.043.472.482
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	783.576.846	1.055.759.890
315	4. Phải trả người lao động		26.457.882	208.684.382
316	5. Chi phí phải trả	14	50.000.000	52.788.000
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	1.283.715.659	282.830.083
330	**II. Nợ dài hạn**		**25.621.622**	**3.401.397.093**
334	1. Vay và nợ dài hạn	16	-	3.387.903.061
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		25.621.622	13.494.032
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**34.318.388.915**	**33.888.479.525**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**17**	**34.343.441.947**	**33.931.965.998**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		31.944.160.000	30.136.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		106.064.590	106.064.590
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(7.225.322)	-
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		670.499.018	1.937.159.574
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		34.186.553	24.347.177
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.595.757.108	1.727.894.657
430	**II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác**		**(25.053.032)**	**(43.486.473)**
431	1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(25.053.032)	(43.486.473)
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**46.670.106.123**	**45.961.185.441**

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
002	2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		1.047.973.572	227.836.500
005	5. Ngoại tệ các loại (USD)		12.808,59	11.822,79

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Vinh Hoa	Nguyễn Hồng Trang	Vũ Thanh Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2009 VND	2008 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**18**	**43.252.693.593**	**258.411.111.290**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**43.252.693.593**	**258.411.111.290**
11	**3. Giá vốn hàng bán**	**19**	**30.932.407.140**	**243.281.333.228**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**12.320.286.453**	**15.129.778.062**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	314.320.742	2.833.913.177
22	7. Chi phí tài chính	21	502.985.779	9.710.223.104
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*323.791.479*	*5.707.367.362*
24	8. Chi phí bán hàng		2.571.255.148	2.993.332.407
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.486.895.064	1.968.163.251
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**7.073.471.204**	**3.291.972.477**
31	11. Thu nhập khác		44.617.353	58.994.602
32	12. Chi phí khác		76.364.304	14.793.172
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(31.746.951)**	**44.201.430**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**7.041.724.253**	**3.336.173.907**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	654.343.145	393.129.250
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**6.387.381.108**	**2.943.044.657**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	23	**2.049**	**1.120**

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Vinh Hoa	Nguyễn Hồng Trang	Vũ Thanh Tùng